

Số: 56 /QĐ-THTVO

Thới hoà, ngày 31 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố tình hình thực hiện dự toán ngân sách
năm 2025 của trường TH Trần Văn ƠN

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC TRẦN VĂN ƠN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông báo số 86/TB-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2026 của UBND Phường Thới Hoà về việc xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2025 của Trường Tiểu học Trần Văn ƠN;

Theo đề nghị của bộ phận kế toán nhà trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện ngân sách năm 2025 của trường Tiểu học Trần Văn ƠN (theo biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận kế toán và các bộ phận liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT,

HIỆU TRƯỞNG

Hà Thị Diễm Phúc

**QUYẾT TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
NHÀ NƯỚC NĂM 2025**

(Kèm theo quyết định số 56/QĐ-TH ngày 31/ 5 /2025 Của Trường TH Trần Văn Ôn)
(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán
sử dụng ngân sách nhà nước)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách, phí, lệ phí	533.20	533.20		
I	Số thu phí , lệ phí	533.20	533.20		
1	Hỗ trợ học phí theo NQ40	" 533.20	533.20		
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	17.471,85	17.471,85		
I	Nguồn ngân sách trong nước	17.471,85	17.471,85		
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	17.471,85	17.471,85		
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	10,829.40	10,829.40		
	Tiền lương	4,749.08	4,749.08		
	Lương ngạch bậc	4,749.08	4,749.08		
	Tiền công lao động HĐ	439.95	439.95		
	Tiền công trả cho vị trí lao động theo hợp đồng	439.95	439.95		
	Phụ cấp	2,105.99	2,105.99		
	Phụ cấp chức vụ	106.47	106.47		

	Ưu đãi	1,501.11	1,501.11		
	Trách nhiệm	2.81	2.81		
	Thâm niên, vượt khung	495.61	495.61		
	Các khoản đóng góp	1,297.78	1,297.78		
	BHXH 17,5%	1,016.31	1,016.31		
	BHYT 3%	174.22	174.22		
	KPCĐ 2%	49.17	49.17		
	BHTN 1%	58.07	58.07		
	Thanh toán cá nhân	597.98	597.98		
	Tăng thu nhập	498.30	498.30		
	Trợ cấp khác	99.68	99.68		
	Dịch vụ công cộng	230.28	230.28		
	Điện	208.90	208.90		
	VSMT	21.38	21.38		
	Vật tư văn phòng	274.19	274.19		
	VPP	24.59	24.59		
	Vật tư khác	249.60	249.60		
	Thông tin liên lạc	30.18	30.18		
	Điện thoại	0.26	0.26		



	Cước Internet	21.18	21.18		
	Sách báo, tạp chí	2.40	2.40		
	Khoán điện thoại	4.80	4.80		
	Khác	1.53	1.53		
	Công tác phí	26.83	26.83		
	Tiền tàu xe	3.72	3.72		
	Phụ cấp công tác phí	5.11	5.11		
	Khoán công tác phí	18.00	18.00		
	Chi phí thuê mướn	159.75	159.75		
	Thuê lao động trong nước	16.37	16.37		
	Thuê mướn khác	143.38	143.38		
	Sửa chữa thường xuyên	227.98	227.98		
	Sửa chữa nhà cửa	100.11	100.11		
	Thiết bị tin học	11.89	11.89		
	Sửa chữa tài sản thiết bị văn phòng	22.52	22.52		
	Đường điện, cấp thoát nước	7.96	7.96		
	Máy móc, thiết bị khác	85.52	85.52		
	Chi phí NVCM	621.37	621.37		
	Vật tư chuyên môn	61.03	61.03		

		5.04	5.04		
	<i>Đồng phục, trang phục</i>				
	<i>Chi khác</i>	555.30	555.30		
	Mua tài sản vô hình	19.33	19.33		
	<i>Bảo trì phần mềm công nghệ thông tin</i>	19.33	19.33		
	Chi khác	48.70	48.70		
	<i>Chi phí, lệ phí</i>	1.73	1.73		
	<i>Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện</i>	33.08	33.08		
	<i>Chi khác</i>	13.88	13.88		
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	6.642,45	6.642,45		
	Tiền công lao động HD	348.44	348.44		
	<i>Tiền công trả cho vị trí lao động theo hợp đồng</i>	348.44	348.44		
	Thanh toán cá nhân	645.87	645.87		
	<i>Phụ cấp thêm giờ</i>	645.87	645.87		
	Hỗ trợ cho học sinh nghèo	3.90	3.90		
	Hỗ trợ cho học sinh nghèo	3.90	3.90		
	Các khoản đóng góp	76.85	76.85		
	<i>BHXH 17,5%</i>	60.98	60.98		
	<i>BHYT 3%</i>	10.45	10.45		
	<i>KPCĐ 2%</i>	1.94	1.94		
	<i>BHTN 1%</i>	3.48	3.48		

CHỈ DẪN

Các khoản thanh toán cá nhân	1,785.04	1,785.04		
<i>Trợ cấp, phụ cấp khác</i>	1,785.04	1,785.04		
Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	1.80	1.80		
<i>Đồng phục, trang phục</i>	1.80	1.80		
Chi khác	142.00	142.00		
<i>Chi các khoản khác</i>	142.00	142.00		
Chi hỗ trợ và giải quyết việc làm	392.76	392.76		
<i>Chi hỗ trợ khác</i>	392.76	392.76		
Khen thưởng	474.91	474.91		
<i>Khen thưởng theo ND 73</i>	474.91	474.91		
Kinh phí NQ 27	2,770.89	2,770.89		
<i>Chi khác</i>	2,770.89	2,770.89		

Thời hòa, ngày 31 tháng 3 năm

Người lập

Nguyễn Thị Thu Thủy

Thủ trưởng đơn vị

Hà Thị Diễm Phúc



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thời Hoà, ngày 31 tháng 3 năm 2026

THUYẾT MINH

Tình hình thực hiện thu chi ngân sách năm 2025

(Kèm theo biểu mẫu số 75/CKTC theo Quyết định số: 56.../QĐ-THTVO ngày 31/3/2026 của trường Tiểu học Trần Văn Ôn

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 26/02/2026 của Bộ Tài chính hướng dẫn công khai ngân sách nhà nước Trường Tiểu học Trần Văn Ôn báo cáo thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH

1. **Tổng số thu trong kỳ:** triệu đồng. Đạt% so với dự toán năm được giao.
2. **Chi tiết các khoản thu:**
 - o Thu từ phí, lệ phí được để lại chi theo chế độ: triệu đồng.
 - o Thu từ hoạt động sự nghiệp (hỗ trợ học phí): **533.20** triệu đồng.
 - o Các khoản thu hợp pháp khác: triệu đồng.
3. **Đánh giá:** Chế độ hỗ trợ học phí thực hiện đúng đủ theo quy định

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH

1. **Tổng số chi trong kỳ:** 17,471.85 triệu đồng. Đạt 91,76 % so với dự toán năm.
2. **Chi tiết theo nhóm mục chi chính:**
 - o **Chi thực hiện nhiệm vụ thường xuyên: 10,829.4** triệu đồng.
*Trong đó: Chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương: 8.603,71 triệu đồng;
Chi hoạt động : 2,225.69 triệu đồng*
 - o **Chi thực hiện nhiệm vụ không thường xuyên: 6.642.45** triệu đồng.
 - o **Chi mua sắm, sửa chữa lớn TSCĐ:** 0 triệu đồng.
 - o **Đánh giá và giải trình biến động chi:**

Chi ngân sách năm 2025 đạt 91.76 % so với dự toán được giao đảm bảo thực hiện đầy đủ các khoản chi lương, bảo hiểm và các khoản tiền tết cho CB-GV-NV và người lao động cũng như hoạt động tại đơn vị

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN, THANH TRA (Nếu có)

1. Tình hình thực hiện xử lý tài chính theo kết luận của cơ quan Thanh tra, Kiểm toán nhà nước:
2. Các biện pháp khắc phục hạn chế, sai sót trong quản lý tài chính tại đơn vị:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Hà Thị Diễm Phúc